

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU NĂM 2024

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 18/2024/L-CTN ngày 30/11/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025 (riêng quy định về việc thực hiện hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất và hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước; quy định sửa đổi, bổ sung một số số thứ tự tại Phụ lục I về Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia, số thứ tự 11 tại Phụ lục II về Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành ban hành kèm theo Luật Quy hoạch; quy định bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 1 Điều 6 và sửa đổi, bổ sung một số số thứ tự của Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU NĂM 2024¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: “*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể*

¹ Tờ trình số 513/TTr-CP ngày 24/9/2024 của Chính phủ về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

ché kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế...”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó xác định: *“những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật, những vấn đề tuy cấp bách, cần thiết, nhưng là vấn đề mới, chưa đạt đồng thuận cao thì có thể quy định thực hiện thí điểm.”*.

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định mục tiêu hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế...

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 đã xác định Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu có phương án giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, dự án BOT, BT hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về kỳ họp thứ 5 và thứ 6 Quốc hội khóa XV đã quyết nghị về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, quy hoạch, đầu tư công, hợp tác công tư, đầu tư...; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật, pháp lệnh có liên quan.

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch đã

giao Chính phủ tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch để khăn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án xử lý khó khăn, vướng mắc đã tồn tại nhiều năm, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ; dự án BT chuyển tiếp.

- Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã quyết nghị về việc *“các bộ, cơ quan khăn trương xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, bất cập trong các quy định pháp luật đã được chỉ ra tại các Báo cáo của Chính phủ về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thực hiện nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội Khóa XV, đồng thời tiếp tục tổng hợp, rà soát các vướng mắc, bất cập phát sinh (nếu có); đề xuất Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, ban hành văn bản phù hợp, hiệu quả để xử lý ngay các bất cập, vướng mắc pháp lý phát sinh trong thực tiễn, cản trở sự phát triển”*.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Liên quan đến Luật Quy hoạch năm 2017

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, như: Sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch, xác định rõ mối quan hệ giữa các quy hoạch và làm rõ căn cứ để lập quy hoạch; sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; về kinh phí cho hoạt động quy hoạch; về chế độ báo cáo; về khái niệm “dữ liệu có liên quan” của hệ thống thông tin quy hoạch.

2.2. Liên quan đến Luật Đầu tư năm 2020

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, như: Quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; quy định về việc đánh giá sự phù hợp của dự

án đầu tư với quy hoạch đô thị khi thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; sửa đổi quy định về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư; sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội; cần xây dựng, bổ sung quy định về quy trình, thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đối với các dự án này nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao...

2.3. Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020

Trong hơn 03 năm thực hiện Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện các dự án theo quy định của Luật PPP còn tồn tại một số hạn chế, bất cập về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP; về loại hợp đồng BT; về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu; về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP; về nguồn vốn thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu; về việc thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền; về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và triển khai dự án sau khi ký kết hợp đồng; về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M; về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền; về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành; về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng.

2.4. Liên quan đến Luật Đấu thầu năm 2023

Trong hơn một năm kể từ ngày được Quốc hội thông qua và thực tiễn 7 tháng thi hành Luật Đấu thầu năm 2023 cho thấy, quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Luật này mặc dù đã được cải cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần tiếp tục xem xét sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hơn nữa nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, cụ thể là:

Một là, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các đối tác phát triển, nhà tài trợ nước ngoài chưa bảo đảm hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, dẫn đến vướng

mắc, kéo dài thời gian trong quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.

Hai là, thực tiễn đã phát sinh một số dự án, gói thầu không thể lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật này mà cần áp dụng cơ chế đặc thù, riêng biệt để đáp ứng yêu cầu cấp bách, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Ba là, một số nội dung trong quy trình, thủ tục đấu thầu hiện nay vẫn có thể xem xét đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền hơn nữa để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẤU THẦU NĂM 2024

1. Mục tiêu

Việc xây dựng, ban hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết các khó khăn, vướng mắc cấp thiết trong thực tiễn triển khai liên quan đến công tác quy hoạch, thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, đầu tư theo theo phương thức đối tác công tư và hoạt động đấu thầu; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

2. Quan điểm

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định của các luật có mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Những quy định cần sửa đổi, bổ sung phải được xác định rõ ràng nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung và đánh giá tác động cụ thể; đồng thời, bảo đảm tính độc lập, ổn định, thống nhất, kế thừa được nội dung khi sửa đổi, bổ sung toàn diện các luật.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước liên

quan đến nội dung chính sách (nếu có) để bảo đảm sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước.

III. BỔ CỤC CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU NĂM 2024

Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu năm 2024 gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, gồm 21 khoản, quy định về sửa đổi, bổ sung 17 Điều, bổ sung 01 Điều mới và sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của 02 Phụ lục ban hành kèm theo Luật Quy hoạch.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, gồm 11 khoản, quy định về bổ sung một số điểm, khoản vào 03 Điều, bổ sung 02 Điều mới, sửa đổi, bổ sung 05 Điều và sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, gồm 22 khoản, quy định về bổ sung một số điểm, khoản vào 01 Điều và sửa đổi, bổ sung 21 Điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, gồm 21 khoản, quy định về bổ sung một số điểm, khoản vào 03 Điều, sửa đổi, bổ sung 16 Điều, bãi bỏ 01 điểm và thay thế cụm từ tại 03 Điều của Luật Đầu thầu.

Điều 5. Điều khoản thi hành, gồm 04 khoản, quy định về ngày có hiệu lực của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu năm 2024 và bãi bỏ 02 Điều có liên quan của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp, gồm 04 khoản, quy định về chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU NĂM 2024

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017

Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu năm 2024 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017, như sau:

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 5 Luật Quy hoạch, theo đó quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn không còn trong hệ thống quy hoạch quốc gia; đồng thời, sửa đổi mục 11 Phụ lục II Luật Quy hoạch thành “*quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn*” để quy định đây là một loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, phù hợp với quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.

- Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 6 thành “*Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia. Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia*”; sửa đổi khoản 4 Điều 6 thành “*Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan theo quy định của Chính phủ*”, để làm rõ mối quan hệ giữa các loại quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9 Luật Quy hoạch để làm rõ:

+ Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch liên quan tới quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, theo đó: i) Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và nguồn vốn hợp pháp khác; đối với quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; ii) Chi phí lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; thẩm định, thẩm định điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đánh giá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

+ Chi phí lập, thẩm định, công bố, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quy hoạch để phân quyền tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sửa đổi quy định tại điểm b, c, d khoản 1 và điểm b, c, d khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch, theo đó bãi bỏ quy định “*các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan lựa chọn tổ chức tư vấn để xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này trước khi gửi cơ quan lập quy hoạch*” để tránh trùng lặp với quy định về lựa chọn tư vấn “*lập quy hoạch*” tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 16, quy định về tham gia Hội

đồng thẩm định quy hoạch tại khoản 1 Điều 30; đồng thời quy định cụ thể về sự tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trong quá trình lập quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về “*Danh mục dự án*” tại các Điều 22, 23, 25, 26 và 27 thành “*Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia*” trong các quy hoạch cấp quốc gia; “*Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên*” trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

- Sửa đổi quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch để bỏ quy định “*kế hoạch sử dụng đất*” là một nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch để tránh trùng lặp với kế hoạch sử dụng đất được lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Sửa đổi Điều 49 để gộp nội dung “*rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm*” tại Điều 52 vào nội dung “*đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ*” tại Điều 49 để tránh trùng lặp, đơn giản hoá chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện, đồng thời bãi bỏ quy định về rà soát định kỳ 05 năm tại Điều 52 Luật Quy hoạch.

- Sửa đổi quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch để làm rõ các nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch.

- Bổ sung quy định tại Điều 54a vào sau Điều 54 Luật Quy hoạch về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn trên cơ sở kế thừa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 như sau:

“*Điều 54a. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn*”

1. Việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch; bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định giữa các quy hoạch.

2. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;

c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;

d) Việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ.

3. Khi có một trong các căn cứ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này thì Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Khi có một trong các căn cứ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này thì Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

5. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

6. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:

a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia, lập quy hoạch vùng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều này; quy định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.”.

- Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 56 theo hướng phân quyền cho UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh để đề cao trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của cấp tỉnh trong tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư năm 2020

Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư năm 2020, như sau:

- Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 của Luật Đầu tư năm 2020 quy định về Quỹ hỗ trợ đầu tư, như sau:

“Điều 18a. Quỹ Hỗ trợ đầu tư

1. Chính phủ thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

2. Chính phủ quy định chi tiết mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, nguồn ngân sách cấp hằng năm và bổ sung cho Quỹ, hình thức hỗ trợ, cơ chế bồi hoàn hỗ trợ và các chính sách đặc thù khác của Quỹ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.”.

- Bãi bỏ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt.

- Sửa đổi, bổ sung điểm g1 khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư và sửa đổi điểm b1 khoản 1 Điều 32 để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án: (1) Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt; (2) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; (3) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt.

Thủ tướng Chính phủ chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: (1) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I; (2) Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư để quy định nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư phải bao gồm *“Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan”*.

- Bổ sung Điều 36a vào sau Điều 36 Luật Đầu tư để quy định thủ tục đầu tư đặc biệt theo hướng chuyển từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm, cụ thể như sau:

Thủ tục đầu tư đặc biệt được áp dụng cho các dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế trong các lĩnh vực sau: i) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip,

vật liệu bán dẫn; ii) Đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ đăng ký được gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nội dung đánh giá hồ sơ đăng ký đầu tư bao gồm: i) Sự phù hợp của dự án với lĩnh vực đầu tư; ii) Sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan; iii) Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư; d) Nhu cầu sử dụng đất (nếu có); iv) Tiến độ thực hiện dự án; v) Nội dung cam kết của nhà đầu tư; vi) Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có).

Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đề xuất dự án có đề nghị Nhà nước cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại một địa điểm, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ đầu tiên và thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư còn lại. Trường hợp nhà đầu tư nộp hồ sơ đầu tiên bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo nguyên tắc xem xét lần lượt hồ sơ của từng nhà đầu tư tiếp theo. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi đăng ký đầu tư.

Dự án đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây: i) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt; ii) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án.

Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 và Điều 48 để quy định việc cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp sau 24 tháng kể từ thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư hoặc mục tiêu hoạt động của từng giai đoạn (nếu có) quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không hoàn thành mục tiêu hoạt động này và không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020

Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 (*Luật PPP*), như sau:

- Bổ sung khoản 16 vào Điều 3 Luật PPP, theo đó bổ sung “*Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (Build - Lease - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BLT)*” vào các loại hợp đồng dự án PPP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP theo hướng không hạn chế các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP. Theo đó, trừ các dự án thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong các lĩnh vực đầu tư công nhằm mục đích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; bãi bỏ hạn mức quy mô tối thiểu đối với các dự án PPP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Luật PPP theo hướng phân cấp nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư cho Hội đồng thẩm định cấp cơ sở; phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 11 Luật PPP để quy định quy trình, thủ tục rút gọn đối với 03 nhóm dự án: i) dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước; ii) dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M; iii) dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12 Luật PPP để bảo đảm đồng bộ, thống

nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và dự án đầu tư công (đang được sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công) theo tinh thần phân cấp triệt để cho địa phương.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 13 Luật PPP theo hướng cắt giảm thủ tục thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi).

- Bổ sung quy định tại Điều 14 để giao trách nhiệm cho Bộ, ngành và địa phương trong việc lựa chọn dự án có tính khả thi, đủ điều kiện để áp dụng phương thức PPP, như: có quy mô phù hợp và có khả năng tạo nguồn thu cho nhà đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 19 Luật PPP để cho phép lập báo cáo nghiên cứu khả thi trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư; quy định riêng về nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Luật PPP, cho phép cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau: lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư; tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP, trong đó cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT thu phí trực tiếp từ người sử dụng đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình sẵn có, trừ trường hợp cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình đường bộ hiện hữu mà công trình đó là lựa chọn duy nhất của cộng đồng dân cư, cá nhân sinh sống, sản xuất, kinh doanh tại khu vực công trình. Các dự án này phải được đánh giá tác động, lấy ý kiến rộng rãi đối tượng bị tác động bởi dự án thông qua Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.

- Bổ sung quy định tại Điều 52 Luật PPP nhằm làm rõ trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 49 và khoản 1 Điều 57 Luật PPP theo hướng quy định: đối với tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán đồng thời với quá trình lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm trước khi ký kết hợp đồng thì tài liệu này phải được phê duyệt; sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP sẽ tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 69 Luật PPP để bổ sung mục đích sử dụng vốn Nhà nước trong dự án PPP, gồm: chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; chi thanh toán cho các dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn nhà nước ở mức 50% và áp dụng mức cao hơn 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư đối với dự án PPP thuộc một hoặc các trường hợp: (i) có chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm vượt quá 50% tổng mức đầu tư; (ii) thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (iii) có yêu cầu tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến từ nhà đầu tư tư nhân và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn hạn mức 50% để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 70 Luật PPP, theo đó không quy định việc xác định giá trị tài sản công làm phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào Điều 82 Luật PPP, trong đó quy định về cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ tình hình thực tiễn của ngành, địa phương về điều kiện sẵn có của từng nguồn vốn và mức độ ưu tiên của các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, cơ quan có thẩm quyền của dự án xác định nguồn vốn khả thi để chi trả phần giảm doanh thu, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tương ứng đối với từng nguồn vốn, theo thứ tự ưu tiên các nguồn vốn. Đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư, ưu tiên sử dụng ngân sách trung ương để chi trả phần giảm doanh thu. Đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, ưu tiên sử dụng ngân sách địa phương để chi trả phần giảm doanh thu. Đối với dự án được thực hiện trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền thống nhất về trách nhiệm của từng địa phương để chi trả phần giảm doanh thu tại quyết định chủ trương đầu tư của dự án.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 101 Luật PPP, trong đó quy định trừ dự án áp dụng loại hợp đồng BT, hợp đồng dự án PPP được ký kết trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng dự án mà pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng không có quy định thì các bên được thỏa thuận sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng..

4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu năm 2023

Điều 4 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu năm 2023, như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 Luật Đấu thầu quy định về việc áp dụng Luật Đấu thầu, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu tại Điều 6 Luật Đấu thầu.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3, trong đó quy định cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 23 để quy định điều kiện chỉ định thầu gồm quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án; đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung các gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt tại khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu.

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 31 theo hướng quy định: phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Bổ sung Điều 34a vào sau Điều 34 Luật Đấu thầu quy định về lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 38 để quy định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn đối với dự án gồm: quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án, đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và tài liệu có liên quan, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy

hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu, theo đó cho phép chủ đầu tư được thực hiện trước toàn bộ các hoạt động lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi dự án được phê duyệt; cho phép ký kết hợp đồng thương mại trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài và sau khi dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư. Các gói thầu được thực hiện trước một số hoạt động trong 02 trường hợp nêu trên, gồm: Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật; Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư; Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công; Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 45, trong đó quy định đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 07 ngày đối với đấu thầu trong nước nhằm rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu, dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55, trong đó quy định đối với việc mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở y tế công lập, trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư được áp dụng nhiều lần đối với một hoặc các loại thuốc.

5. Điều khoản thi hành và quy định chuyển tiếp (Điều 5, Điều 6)

- Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024 quy định Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025. Riêng quy định về việc thực hiện hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất và hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước; quy định sửa đổi, bổ sung một số số thứ tự tại Phụ lục I về Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia, số thứ tự 11 tại Phụ lục II về Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành ban hành kèm theo Luật Quy hoạch; quy định

bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 1 Điều 6 và sửa đổi, bổ sung một số số thứ tự của Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

- Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024 quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng Tư pháp huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1.Gi.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG